

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Mẫu số 09

Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: RDT2024/
và Giấy rút dự toán số: RDT2024/MC, 17 ngày 09 tháng 9 năm 2024

ngày tháng 9 năm 2024

Mã hiệu:
Số:

Tài khoản dự toán

Tài khoản tiên gửi:

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiều La
- Mã đơn vị: 1009977
- Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 8670 034 642, mở tại NH BIDV CN Quảng Nam

(Đơn vị: Đồng)

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản		Tiền học bổng
(1)	Tổng số	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I.	Đội với công chức, viên chức			796.377.785	796.377.785	0	0	0	0	0	0	
1	Bùi Cao Vân	8800044099	BIDV CN Quảng Nam	14.988.046	14.988.046							
2	Nguyễn Tân Lương	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	14.674.655	14.674.655							
3	Nguyễn Việt Trung	8843386877	BIDV CN Quảng Nam	13.019.091	13.019.091							
4	Lê Văn Đức	8863386878	BIDV CN Quảng Nam	13.100.737	13.100.737							
5	Liên Thị Thu	8883386879	BIDV CN Quảng Nam	12.355.497	12.355.497							
6	Phan Thị Tinh	8863386880	BIDV CN Quảng Nam	12.637.447	12.637.447							
7	Võ Thị Thùy Nga	8893386881	BIDV CN Quảng Nam	12.637.447	12.637.447							
8	Nguyễn Thị Dương	8813386882	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
9	Phạm Thị Bích Nga	8833386883	BIDV CN Quảng Nam	8.639.174	8.639.174							
10	Nguyễn Thị Toàn	8863386884	BIDV CN Quảng Nam	8.639.174	8.639.174							
11	Nguyễn Thị Vân	8883386885	BIDV CN Quảng Nam	10.545.034	10.545.034							
12	Nguyễn Hữu Phúc	8833386887	BIDV CN Quảng Nam	11.500.380	11.500.380							
13	Hồ Trần Thị Bảo Chuyền	4203215037358	Agribank Thăng Bình	9.546.673	9.546.673							
14	Ngô Thị Lành	8873386889	BIDV CN Quảng Nam	8.816.062	8.816.062							
15	Cao Thị Cúc	5625592359	BIDV CN Quảng Nam	10.684.224	10.684.224							
16	Trần Ngọc Nhỏ	8853386890	BIDV CN Quảng Nam	13.820.902	13.820.902							
17	Nông Thị Oanh	8883386891	BIDV CN Quảng Nam	6.839.640	6.839.640							
18	Nguyễn Thị Thanh Cúc	8803386892	BIDV CN Quảng Nam	12.637.447	12.637.447							
19	Trương Thị Hương	8823386893	BIDV CN Quảng Nam	13.373.363	13.373.363							
20	Nguyễn Thị Thu Hà	8853386894	BIDV CN Quảng Nam	12.637.447	12.637.447							
21	Nguyễn Việt Quang	8800048099	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
22	Huỳnh Văn Chung	8873386895	BIDV CN Quảng Nam	7.358.192	7.358.192							
23	Nguyễn Thị Nga	8893386896	BIDV CN Quảng Nam	12.717.675	12.717.675							
24	Thái Ngọc Đới	8823386897	BIDV CN Quảng Nam	15.956.209	15.956.209							
25	Nguyễn Văn Phú	8843386898	BIDV CN Quảng Nam	13.187.602	13.187.602							
26	Phan Thị Phu	8863386899	BIDV CN Quảng Nam	11.649.971	11.649.971							
27	Nguyễn Tiên Vinh	8813386900	BIDV CN Quảng Nam	11.650.203	11.650.203							
28	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	8843386901	BIDV CN Quảng Nam	9.546.673	9.546.673							



Handwritten signature

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản		Tiền học bổng
29	Nguyễn Đức Hiền	8863386902	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
30	Hồ Thị Hoài Hương	8883386903	BIDV CN Quảng Nam	11.948.688	11.948.688							
31	Mai Thị Trúc Hà	8842927965	BIDV CN Quảng Nam	8.639.174	8.639.174							
32	Hồ Thị Thu Thủy	8813386904	BIDV CN Quảng Nam	12.738.953	12.738.953							
33	Đinh Văn Tú	8833386905	BIDV CN Quảng Nam	11.768.901	11.768.901							
34	Trương Minh Hà	8803341317	BIDV CN Quảng Nam	10.614.629	10.614.629							
35	Nguyễn Thông	8853386906	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
36	Hoàng Thị Kim Thi	8883386907	BIDV CN Quảng Nam	9.546.673	9.546.673							
37	Nguyễn Thủy Diệu Anh	8803386908	BIDV CN Quảng Nam	5.033.340	5.033.340							
38	Đỗ Quốc Thiên Trang	8823386909	BIDV CN Quảng Nam	6.193.170	6.193.170							
39	Vân Thị Bé	8803386910	BIDV CN Quảng Nam	12.637.447	12.637.447							
40	Phan Thị May	8833386911	BIDV CN Quảng Nam	13.119.599	13.119.599							
41	Trương Thị Hồng Minh	8853386912	BIDV CN Quảng Nam	12.637.447	12.637.447							
42	Trần Thị Thu Thảo	8873386913	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
43	Đoàn Thị Kim Hoa	8803386914	BIDV CN Quảng Nam	8.521.249	8.521.249							
44	Nguyễn Ngọc Đình	8823386915	BIDV CN Quảng Nam	9.482.395	9.482.395							
45	Phan Châu Niêm	8843386916	BIDV CN Quảng Nam	15.089.270	15.089.270							
46	Hồ Xuân Sơn	8833333793	BIDV CN Quảng Nam	11.948.688	11.948.688							
47	Vương Chí Sĩ	8873386917	BIDV CN Quảng Nam	13.177.447	13.177.447							
48	Nguyễn Tuy	8893386918	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
49	Phan Thị Lê Mỹ	8813386919	BIDV CN Quảng Nam	8.639.174	8.639.174							
50	Nguyễn Phúc Hương	8893386920	BIDV CN Quảng Nam	15.445.530	15.445.530							
51	Lê Văn Hiền	8823386921	BIDV CN Quảng Nam	13.038.586	13.038.586							
52	Phan Văn Nghĩa	8843386922	BIDV CN Quảng Nam	11.948.688	11.948.688							
53	Đoàn Thị Phương	8863386923	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
54	Trần Thị Ngọc Phương	5621023680	BIDV CN Quảng Nam	10.614.629	10.614.629							
55	Đỗ Thị Thuận	8893386924	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
56	Dương Thị Như Trang	8813386925	BIDV CN Quảng Nam	10.150.952	10.150.952							
57	Lê Hồng Sa	8833386926	BIDV CN Quảng Nam	9.482.395	9.482.395							
58	Nguyễn Thị Thanh	8863386927	BIDV CN Quảng Nam	7.192.980	7.192.980							
59	Phan Thị Thanh Vân	8883386928	BIDV CN Quảng Nam	9.482.395	9.482.395							
60	Nguyễn Xuân Tinh	8803386929	BIDV CN Quảng Nam	8.639.174	8.639.174							
61	Dương Hồng Hải	8883386930	BIDV CN Quảng Nam	8.993.238	8.993.238							
62	Nguyễn Thị Xuân Đào	8813386931	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
63	Trần Thị Phương Duyên	8833386932	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
64	Dương Thị Ngọc Hà	8853386933	BIDV CN Quảng Nam	12.197.619	12.197.619							
65	Phạm Thi Sen	8883386934	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
66	Phạm Thị Xuân Hiếu	8803386935	BIDV CN Quảng Nam	10.545.034	10.545.034							
67	Bùi Quốc Công	8823386936	BIDV CN Quảng Nam	11.948.688	11.948.688							
68	Châu Thị Hiền	8853386937	BIDV CN Quảng Nam	11.800.026	11.800.026							
69	Nguyễn Thị Ngọc Phạm	8873386938	BIDV CN Quảng Nam	11.575.291	11.575.291							
70	Dương Quốc Huy	8807445999	BIDV CN Quảng Nam	7.010.640	7.010.640							
71	Lê Thị Linh	8893386939	BIDV CN Quảng Nam	3.640.860	3.640.860							
72	Trần Thị Bích Thảo	8873386940	BIDV CN Quảng Nam	6.436.260	6.436.260							

ĐANG
PHỔ THÔNG
Ư LIA

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản		Tiền học bổng
73	Nguyễn Hồ Công Huy	8803386941	BIDV CN Quảng Nam	4.011.390	4.011.390							

Số tiền ghi bằng chữ: Bảy trăm chín mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn.
II. Phần thuyết minh thay đổi số với tháng trước: **2.021.309 đồng**

TT	Họ tên	Số tiền	Phần tăng	Phần giảm	Phần giảm	Số tiền
1	Bùi Cao Văn	92.528	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
2	Lê Văn Đức	82.644	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
3	Liên Thị Thu	78.939	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
4	Phạm Thị Bích Nga	58.963	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
5	Nguyễn Thị Toàn	58.963	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
6	Ngô Thị Lành	58.963	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
7	Trần Ngọc Nhỏ	85.042	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
8	Nguyễn Thị Thu Hà	80.228	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
9	Huyền Văn Chung	72.011	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
10	Nguyễn Thị Nga	80.228	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
11	Thái Ngọc Đới	93.064	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
12	Nguyễn Tến Vinh	74.912	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
13	Nguyễn Đức Hiền	74.911	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
14	Mai Thị Trúc Hà	58.963	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
15	Đinh Văn Tú	73.622	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
16	Trương Minh Hà	69.595	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
17	Trương Thị Hồng Minh	80.228	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
18	Vương Chí Sĩ	80.228	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
19	Lê Văn Hiền	80.228	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
20	Trần Thị Ngọc Phương	69.595	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
21	Nguyễn Xuân Tình	58.963	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
22	Dương Hồng Hải	61.379	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
23	Châu Thị Hiền	74.912	Tăng 1% do nâng PC TNNG			
24	Lê Thị Linh	322.200	Tăng 0,20 do nâng Lương			
	Tổng cộng	2.021.309		Tổng cộng		

Người lập

Dương Quốc Huy

Kế toán trưởng

Dương Quốc Huy

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thăng Bình, ngày tháng năm 2024

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng

được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Thăng Bình, ngày 9 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Bùi Cao Văn

Chuyên viên Kiểm soát chi/Giao dịch viên